| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ L**<br>TỈNH AN GIANG<br>Bản án số: 168/2021/HNGĐ-ST<br>Ngày: 12 - 7 - 2021<br>V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thùy Giang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hường

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Thành Thái - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoài V, sinh năm 1984

Cư trú: Số 262, Tổ 9, ấp Th3, xã A, huyện M, tỉnh An Giang

*2. Bị đơn:* Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1990

Cư trú: Số 1115C/56, khóm K5, phường K, thành phố L, tỉnh An Giang

*Tại phiên tòa ông V vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), bà T vắng mặt*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Hoài V trình bày:*

Vợ chồng ông Nguyễn Hoài V và bà Lê Thị Mỹ T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2014. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc, nhưng về sau thì mâu thuẫn trầm trọng xuất phát từ việc bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, khoảng cách tình cảm vợ chồng ngày càng lớn dần. Cộng với thời gian hai vợ chồng đi làm ăn xa nên trở nên xa cách, tình cảm phai nhạt. Nay không còn tình cảm gì nữa, nếu tiếp tục chung sống sẽ không được hạnh phúc nên ông V yêu cầu ly hôn bà Mỹ T.

Về con chung: Ông V và bà T có 02 con chung là Nguyễn Phát Đ sinh ngày 09 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Phát Th sinh ngày 12 tháng 02 năm 2013, cả hai con hiện do mẹ nuôi, sau khi ly hôn ông V đồng ý giao con cho vợ nuôi, ông V không cấp dưỡng nuôi con, khi nào có tiền ông sẽ tự cho con, có ít cho ít có nhiều cho nhiều.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*Bị đơn bà Lê Thị Mỹ T:* Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ, ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: ông V và bà T tự nguyện tìm hiểu thông qua mai mối và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vào năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung, khoảng cách vợ chồng ngày càng lớn. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông V xin ly hôn với bà T. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án tạo điều kiện hòa giải nhưng ông V kiên quyết xin ly hôn, bà T không thể hiện ý kiến, nguyện vọng đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông V không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Cháu Nguyễn Phát Đ và Nguyễn Phát Th đều chưa thành niên và hiện đang sống cùng mẹ, ông V tự nguyện đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và ông yêu cầu không cấp dưỡng cho con. Nhằm tạo điều kiện ổn định cuộc sống cho các cháu nên đề nghị giao các cháu Đ, Th cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, bà T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con, nên ông V không phải cấp dưỡng cho các con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: ông V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Nguyễn Hoài V và bà Lê Thị Mỹ T kết hôn có đăng ký kết hôn; ông V khởi kiện bà T là người hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố L và yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. ông V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông V và bà T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K,

thành phố L vào năm 2014. Ông V cho rằng tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung, vợ chồng có hoàn cảnh phải đi làm xa nhau, nên khoảng cách tình cảm vợ chồng ngày càng lớn, xa cách. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng ông V xác định không còn tình cảm với bà T, và kiên quyết xin ly hôn mặc đù Tòa án đã tiến hành hòa giải. Còn bà T dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không thể hiện nguyện vọng hàn gắn đoàn tụ gia đình. Mặt khác, ông V và bà T không còn chung sống với nhau đã lâu. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của ông V và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông V là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: ông V xác định ông và bà T có hai con chung là Nguyễn Phát Đ sinh ngày 09 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Phát Th sinh ngày 12 tháng 02 năm 2013, hiện nay các cháu vẫn đang sống với bà T. Ông V trình bày, sau khi ly hôn ông đồng ý giao các cháu Đ, Th cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Bà T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không đưa các cháu Đ, Th đến Tòa án làm việc. Ông V và bà T đều không cung cấp ý kiến, nguyện vọng của các cháu Đ, Th. Đồng thời ông V có yêu cầu Tòa án không tiến hành lấy ý kiến của các cháu Đ, Th để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt và tâm lý của các cháu. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của các cháu về người nuôi con chung. Nhưng nhận thấy, từ khi ông V, bà T không còn chung sống thì các cháu Đ, Th được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của hai cháu, tạo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V về việc nuôi con chung. Về cấp dưỡng cho con, do bà T không yêu cầu, không có ý kiến, nên ông V không phải cấp dưỡng cho con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: ông V trình bày bà T và ông V không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T cũng không có ý kiến về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 238; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 9; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Hoài V được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T.

2. Về con chung:

Ông Nguyễn Hoài V và bà Lê Thị Mỹ T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Phát Đ sinh ngày 09 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Phát Th sinh ngày 12 tháng 02 năm 2013.

Bà Lê Thị Mỹ T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục các cháu Nguyễn Phát Đ và Nguyễn Phát Th. Bà Lê Thị Mỹ T và thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Hoài V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Phát Đ và Nguyễn Phát Th.

Ông Nguyễn Hoài V không phải cấp dưỡng cho các cháu Nguyễn Phát Đ và Nguyễn Phát Th.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Hoài V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0002030 ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Bà Lê Thị Mỹ T không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. L;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. L;
- UBND p. K, tp L;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**